

Bản án số: 22/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 11- 7 - 2024

Về việc “Xin ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐƠN DƯƠNG – TỈNH LÂM ĐỒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Thanh Hải.

2. Bà Nguyễn Thị Thùy Hương.

Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Minh Tiến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Hậu – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2024 về việc “Xin ly hôn”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2024/QĐST-HNGĐ ngày 07/6/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2024/QĐST-HNGĐ ngày 25/6/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị **Phan Thị Thu V**, sinh năm 1988; địa chỉ: **số nhà D thôn Đ, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng**.

2. Bị đơn: anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1995; địa chỉ: **số nhà D thôn Đ, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng**.

(Chị **V** có đơn xin vắng mặt, anh **T** vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai ngày 27/3/2024, nguyên đơn chị **Phan Thị Thu V** trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị Thu V1** và anh **Nguyễn Văn T** kết hôn từ năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Từ sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống chung hòa thuận được khoảng 03 năm thì nảy sinh mâu thuẫn.

Mâu thuẫn trầm trọng phát sinh từ năm 2021, nguyên nhân do anh **T** không trách nhiệm gì với gia đình, tụ tập bạn bè hút ma túy, đánh bài, ghi sổ đề và còn quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác. Năm 2021, chị **V1** đã nộp đơn xin ly hôn anh **T**, tuy nhiên do dịch bệnh Covid nên chị **V1** đã rút đơn cho anh **T** cơ hội sửa đổi. Tuy nhiên đến nay anh **T** vẫn không sửa đổi mà ngày càng nghiện ngập hơn, thường xuyên chửi bới, đập phá đồ đạc trong gia đình, gây tâm lý hoảng sợ cho chị và con. Vì vậy, chị **V1** yêu cầu ly hôn đối với anh **T**.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là **Nguyễn Ngọc Gia H**, sinh ngày 22/5/2019, hiện nay con chung do chị **V1** trực tiếp nuôi dưỡng. Chị **V1** yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu cho đến khi thành niên và không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị **V1** xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày tại bản tự khai và biên bản ghi lời khai ngày 27/3/2024: Anh **T** xác định vợ chồng có mâu thuẫn từ năm 2021 và chị **V1** có nộp đơn xin ly hôn sau đó chị **V1** rút đơn, hai bên về sống lại nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không giải quyết được, tình cảm vợ chồng không còn anh đồng ý thuận tình ly hôn theo yêu cầu của chị **V1**. Về con chung, anh đề nghị được quyền nuôi dưỡng con chung là cháu **Nguyễn Ngọc Gia H** và không yêu cầu chị **V1** cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung, anh xác định hai bên không có và không yêu cầu giải quyết.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh **Nguyễn Văn T** vắng mặt không lý do, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa, chị **V1** có đơn xin xét xử vắng mặt, anh **T** vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt không có lý do chính đáng đã không chấp hành đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án Kiểm sát viên đề nghị Tòa án căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **Phan Thị Thu V**, cho chị **V** và anh **T** ly hôn; giao con chung **Nguyễn Ngọc Gia H** cho chị **Phan Thị Thu V** trực tiếp nuôi dưỡng; Về việc cấp dưỡng: chị **V** không có yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị **Phan Thị Thu V** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn anh **Nguyễn Văn T**; địa chỉ: **thôn Đ, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng** nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương. Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án và giành quyền kháng cáo cho các đương sự.

[1] [2] Về nội dung cần giải quyết của vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị **V** và anh **T** là hợp pháp. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Pro theo giấy chứng nhận kết hôn số 36/2019 ngày 11/11/2019. Vợ chồng chung sống có thời gian hạnh phúc ngắn đã phát sinh nhiều mâu thuẫn và năm 2021 chị **V** đã nộp đơn xin ly hôn sau đó rút đơn để vợ chồng hàn gắn tuy nhiên do có mâu thuẫn không thể hàn gắn nên chị **V** tiếp tục có đơn xin ly hôn anh **T**. Phía anh **T** cũng xác nhận vợ chồng có nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn và đến nay tình cảm vợ chồng không còn nên anh đồng thuận thuận tình ly hôn với chị **V**. Quá trình hòa giải và tại phiên tòa, anh **T** vắng mặt chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị **V** và anh **T** có phát sinh trên thực tế, hai bên không còn chung sống cùng nhau. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị **V** và anh **T** đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, nếu có níu kéo cho hai bên về chung sống cũng không mang lại hạnh phúc. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **V**, cho chị **V** được ly hôn với anh **T** là phù hợp với thực tế và phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Xét yêu cầu nuôi dưỡng con chung của chị **V** và anh **T**, thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án, anh **T** có lời khai yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu **Nguyễn Ngọc Gia H**, tuy nhiên sau đó anh **T** không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa, không tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải để chứng minh điều kiện nuôi dưỡng con chung. Xét thấy cháu **Nguyễn Ngọc G H** hiện còn nhỏ và đang do chị **V** là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Để đảm bảo sự ổn định và sự phát triển bình thường của con chung; xét điều kiện chăm sóc, giáo dục con chung về mọi mặt cần chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị **V**, giao con chung là cháu **Nguyễn Ngọc Gia H** cho chị **V** trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị **V** xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung và không có yêu cầu Tòa án giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án anh **T** đã cho lời khai xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

[2.5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; các Điều 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình và điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn và giải quyết vấn đề con chung của chị **Phan Thị Thu V**.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị **Phan Thị Thu V** và anh **Nguyễn Văn T** ly hôn. Quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận kết hôn số 36/2019 ngày 11/11/2019 tại **UBND xã P, huyện Đ** chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao con chung **Nguyễn Ngọc Gia H**, sinh ngày 22/5/2019 cho chị **Phan Thị Thu V** trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên. Anh **Nguyễn Văn T** không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Chị **Phan Thị Thu V** phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị **V** đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002454 ngày 27/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân Tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Đơn Dương;
- UBND xã Pró;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Kim Ngân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Kim Ngân